TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** ***Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***

Bản án số 19/2018/HSST
Ngày 13 tháng 04 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH N

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Hà Thiện Thành**

***Các hội thẩm nhân dân*:**

Ông **Đinh Duy Quyết**

Ông **Đinh Công Hiến**

Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà **Trần Thị Hồng** - là thư ký Toà án nhân dân huyện G, tỉnh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh N tham gia phiên toà: ông **Vũ Văn Diệu** - Kiểm sát viên

Ngày 13/04/2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 21/2018/HSST ngày 15/03/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 03 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1984; tại xã G, huyện G, tỉnh N; trú tại thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 08/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Lịch sử bản thân: - Bản án số 42/2011/HSST ngày 30/5/2011 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh N xử phạt 24 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15/02/2018 tới nay, tại Trại tạm giam Công an tỉnh N. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

***Người bị hại:** Bà **Bùi Thị T2**, sinh năm 1950; trú tại: thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N. Có mặt tại phiên tòa.

***Người làm chứng:** Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1994; trú tại Đội 2, xã S, huyện N, tỉnh N. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Văn T là người sử dụng ma tuý và không có việc làm ổn định. Khoảng 11 giờ ngày 28/01/2018, T đi bộ qua nhà bà Bùi Thị T2, sinh năm 1950, trú tại thôn Đ, xã G, huyện G, thấy cửa cổng nhà bà T2 đóng, không có

ai ở nhà, khu vực xung quanh vắng người nên T nảy sinh ý định đột nhập vào nhà bà T2 để trộm cắp tài sản lấy tiền chi tiêu cá nhân. T trèo qua tường bao vào trong sân, đi đến gian nhà bếp nâng cánh cửa ra khỏi bản lề đi vào trong bếp lục tìm tài sản. T lấy 01 con dao phay ở trong bếp cậy cửa thông với nhà trên nhưng không được nên T để lại con dao ở vị trí cũ, đi ra ngoài rồi lắp cánh cửa bếp lại như cũ. Thấy cửa chính nhà bà T2 khoá ngoài, ô thoáng trên cửa là loại cửa kính không có chấn song. T đứng lên trên nắm cửa, dùng tay phải đẩy ô cửa kính sang bên phải, bám tay vào cạnh ô thoáng rồi trèo lên chui qua ô thoáng vào phòng khách. T lục tìm tài sản trong nhà, thấy 01 chiếc hòm gỗ ở gần giường ngủ đang khoá, T lấy 01 chiếc tuốc nơ vít ở trên nóc hòm tôn nhà bà T2 cho vào khuy ổ khoá vặn theo chiều kim đồng hồ, thì khuy treo khoá của hòm gỗ bật ra. T mở hòm gỗ ra, thấy bên trong có 01 túi nilon màu trắng đựng 01 túi vải, bên trong túi vải có 01 tập tiền mệnh giá 500.000 đồng và 01 tập tiền mệnh giá 200.000 đồng, T lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi áo khoác, rồi trèo theo lối cũ ra ngoài. Sau khi về nhà T kiểm tra số tiền mình vừa lấy ở nhà bà T2 được 30.000.000 đồng. Ngày 05/02/2018, bà Bùi Thị T2 về nhà mình thì phát hiện bị mất số tiền 30.000.000 đồng nên trình báo Cơ quan điều tra. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã thu giữ 01 mảnh kính kích thước (20x30)cm, 01 túi nilon màu trắng, 01 túi vải, 01 con dao phay, 01 chiếc tuốc nơ vít. Ngày 14/02/2018, Cơ quan điều tra đã triệu tập T lên làm việc, T đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 12.390.000 đồng, còn lại số tiền 17.610.000 đồng T đã tiêu sài cá nhân hết.

Tại bản Cáo trạng số 21/CT-VKS-GV ngày 15/03/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Viễn đã truy tố ***Nguyễn Văn T*** ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội **"Trộm cắp tài sản"**, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, xác nhận nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" là đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện. Bị cáo xác định việc phạm tội là do cần tiền để ăn chơi, tiêu sài cá nhân nên khoảng 11 giờ ngày 28/01/2018, T đi bộ qua nhà bà Bùi Thị T2, ở thôn Đ, xã G, huyện G, thấy cửa cổng nhà bà T2 đóng, không có ai ở nhà nên T đã trèo qua tường bao vào trong sân, đi đến gian nhà bếp. T lấy 01 con dao phay ở trong bếp cậy cửa thông với nhà trên nhưng không được. T để lại con dao ở vị trí cũ, rồi đi ra ngoài thấy cửa chính nhà bà T2 khoá ngoài, ô thoáng trên cửa là loại cửa kính không có chấn song. T trèo lên chui qua ô thoáng vào phòng khách, thấy 01 chiếc hòm gỗ ở gần giường ngủ đang khoá, T lấy 01 chiếc tuốc nơ vít ở trên nóc hòm tôn nhà bà T2 cho vào khuy ổ khoá vặn, thì khuy treo khoá của hòm gỗ bật ra. T thấy bên trong có 01 túi nilon màu trắng đựng 01 túi vải, bên trong túi vải có 30.000.000 đồng. T lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi áo khoác, rồi trèo theo lối cũ ra ngoài.

Người bị hại là bà Bùi Thị T2 trong quá trình điều tra và tại phiên tòa xác nhận những tài sản mà bị cáo T chiếm đoạt và đã nhận lại tài sản, nên bà không có yêu cầu bồi thường thiệt hại gì về vấn đề trách nhiệm dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G thực hành quyền công tố tại phiên tòa, phát biểu luận tội đã giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng. Sau khi phân tích đánh giá tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cùng các tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo ***Nguyễn Văn T*** phạm tội **"Trộm cắp tài sản"**; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 15/02/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng Hình sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu hồi, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 11 giờ ngày 28/01/2018, Nguyễn Văn T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của bà Bùi Thị T2 ở thôn Đ, xã G, huyện G, tỉnh N đã phạm tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố ***Nguyễn văn T,*** ra trước Tòa án nhân dân huyện G để xét xử về tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm đến quyền sở hữu đối với tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an, gây nỗi hoang mang bất bình trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng không chịu tu chí làm ăn lương thiện, mà lại đi trộm cắp kiếm tiền bất chính. Căn cứ tính chất tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra và yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm

trên địa bàn, thì hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn T cần được xử lý nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5]. Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Văn T từng bị kết án, nh□ng đã đ□ợc đ□ơng nhiên xóa án tích, nên đ□ợc coi nh□ ch□a bị kết án theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, t□ơng xứng với hành vi mà bị cáo đã gây ra, mới có tác dụng giáo dục, cải tạo và nâng cao công tác phòng ngừa chung, để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[7]. Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện hoàn cảnh, gia đình của bị cáo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là bà Bùi Thị T2 xác nhận đã được nhận lại 30.000.000 đồng (trong đó có 12.390.000 đồng từ Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và 17.610.000 đồng từ ông Nguyễn Văn T1 là bố đẻ của Nguyễn Văn T) và không có yêu cầu bị cáo bồi th□ờng thiệt hại gì. Vì vậy vấn đề trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét giải quyết.

[9]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 mảnh kính kích thước (20x30)cm, 01 túi nilon màu trắng, 01 túi vải, 01 con dao phay, 01 chiếc tuốc nơ vít và số tiền 12.390.000 đồng. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của bà T2. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G đã trả lại cho bà T2, là phù hợp.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo ***Nguyễn Văn T*** phạm tội "***Trộm cắp tài sản***".

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1 khoản 2 khoản Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn T** 12 (m□ời hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/02/2018.

2. ***Về án phí:***

Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo, ng□ời bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- Công an huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- VKSND huyện G;
- Bị cáo; người bị hại;
- L- u hồ sơ, văn phòng;
(Thông báo cho chính quyền địa ph- ơng nơi bị cáo c- trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hà Thiện Thành